



Bài tập: Hãy thực hiện các bước Thao tác với dữ liệu bằng Code

1 (2đ). Tạo CSDL có tên TRUONGHOC

2 (8đ). Tạo 3 bảng trong CSDL này như sau:

a. Tạo bảng HOCSINH

HOCSINH(MAHS **CHAR**(5),TEN NVARCHAR(30),NAM **BIT**, -- **Column** giới tính
Nam: 1 - đúng, 0 – sai,NGAYSINH DATETIME,DIACHI **VARCHAR**(20),DIEMTB
FLOAT)

b. Tạo bảng GIAOVIEN

GIAOVIEN(MAGV **CHAR**(5),TEN NVARCHAR(30),Nam **BIT**, -- **Column** giới tính
Nam: 1 - đúng, 0 – sai,NGAYSINH DATETIME,DIACHI **VARCHAR**(20),LUONG
MONEY)

c. Tạo bảng LOPHOC

LOPHOC(MALOP **CHAR**(5),TENLOP NVARCHAR(30),SOLUONG **INT**)

- Thêm/ Sửa/ Cập nhập dữ liệu vào Table (Insert/ Update Record)

Yêu cầu: Sinh viên nộp bài làm trên hệ thống LMS trên tài khoản của mình dưới dạng file sql, với định dạng như sau: Lop_HoTenSV_MaSV.sql, tên file không dấu.

Hướng dẫn giải

--khởi tạo database TRUONGHOC

CREATE DATABASE TRUONGHOC

GO

-- Sử dụng **database**

USE TRUONGHOC

GO

-- Tạo bảng HOCSINH

CREATE TABLE HOCSINH

(

MAHS **CHAR**(5),

TEN **NVARCHAR**(30),

NAM **BIT**, -- **Column** giới tính Nam: 1 - đúng, 0 - sai

NGAYSINH **DATETIME**,

DIACHI **VARCHAR**(20),

DIEMTB **FLOAT**,

)

GO

-- Tạo bảng GIAOVIEN

CREATE TABLE GIAOVIEN

(

MAGV **CHAR**(5),

TEN **NVARCHAR**(30),

Nam **BIT**, -- **Column** giới tính Nam: 1 - đúng, 0 - sai

NGAYSINH **DATETIME**,

DIACHI **VARCHAR**(20),

LUONG **MONEY**

)

GO

-- Tạo bảng LOPHOC

CREATE TABLE LOPHOC

(

```
MALOP CHAR(5),
TENLOP NVARCHAR(30),
SOLUONG INT
```

```
)
```

GO

Thêm dữ liệu vào Table

Thêm một Record mới vào table HOCSINH theo đúng thứ tự mặc định của Table

--Thêm một Record mới vào Table HOCSINH theo đúng thứ tự mặc định của Table

```
INSERT dbo.HOCSINH
```

```
VALUES ( 'CS002' , -- MAHS - char(5)
        N'KIM LONG' , -- TEN - nvarchar(30)
        1 , -- NAM - bit
        '19940226', -- NGAYSINH - datetime
        'DONGNAI' , -- DIACHI - varchar(20)
        9.0 -- DIEMTB - float
      )
```

Lưu ý:

- Từ khóa INTO có hoặc không đều **không gây ảnh hưởng** đến cấu trúc lệnh.
- Dữ liệu nhập liệu cần được lưu tuân tự tương ứng thứ tự column đã chọn.

Xóa dữ liệu trong Table (Delete Record)

Ví dụ 1: Xóa tất cả dữ liệu trong Table HOCSINH, ta sử dụng lệnh:

```
DELETE dbo.HOCSINH
```

Hoặc

```
TRUNCATE TABLE dbo.HOCSINH
```

Ví dụ 2: Xóa những giáo viên có lương hơn 5000:

```
DELETE dbo.GIAOVIEN WHERE LUONG >5000
```

Ví dụ 3: Xóa những giáo viên có lương hơn 5000 và mã số giáo viên <15

```
DELETE dbo.GIAOVIEN WHERE LUONG > 5000 AND MAGV < 15
```

Ví dụ 4: Xóa những học sinh có điểm TB là 1; 8; 9.

```
DELETE dbo.HOCSINH WHERE DIEMTB IN (1,8,9)
```

Ví dụ 5: Xóa những học sinh có mã học sinh thuộc danh sách FD001, FD002, FD003

```
SELECT* FROM dbo.HOCSINH WHERE MAHS IN ('FD002','FD001')
```

Ví dụ 6: Xóa những học sinh có điểm trong khoảng 1 đến 8

```
DELETE dbo.HOCSINH WHERE DIEMTB BETWEEN 1 AND 8
```

Ví dụ 7: Xóa những học sinh có địa chỉ không phải ở Đà Lạt.

```
DELETE dbo.HOCSINH WHERE DIACHI NOT LIKE 'DALAT'
```

Cập nhật dữ liệu trong Table (Update Record)

Ví dụ 1: Cập nhật Lương của tất cả giáo viên thành 10000

```
UPDATE dbo.GIAOVIEN SET LUONG = 10000
```

Ví dụ 2: Cập nhật lương của tất cả giáo viên thành 10000 và địa chỉ tại DALAT

```
UPDATE dbo.GIAOVIEN SET LUONG = 10000, DIACHI ='DALAT'
```

Ví dụ 3: Cập nhật lương của những giáo viên nam thành 1

```
UPDATE dbo.GIAOVIEN SET LUONG = 1
```

```
WHERE Nam='1'
```